TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 25-5-2018
"V/v Tranh chấp: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Quang Liêu và ông Nguyễn Mạnh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: bà Mai Thị Chang – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: bà Đàm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 116/2018/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018, về việc tranh chấp " Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2018/QĐST - HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: chị Quách Thị T, sinh năm: 1982
Địa chỉ: thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.
- Bị đơn: anh Nguyễn Đình H, sinh năm: 1971
Địa chỉ: thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.
(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Quách Thị T trình bày: Chị và anh H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước ngày 01 tháng 11năm 2002. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân bình thường. Tuy nhiên đến khoảng năm 2017 thì cuộc sống vợ chồng sảy ra mâu thuẫn trầm trọng.

Nguyên nhân do anh H thường xuyên đánh đập chị rồi ghen tuông vô cớ, thường xuyên mắng chửi, xúc phạm danh dự nhân phẩm chị. Chị cảm thấy cuộc sống vợ chồng ngột ngạt, không hạnh phúc, vợ chồng mà không tin tưởng lẫn nhau thì cuộc sống hôn nhân bế tắc, nay chị cũng không còn tình cảm gì với anh H, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 người con chung, họ tên là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 19/8/2011. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, tuy nhiên nếu anh H muốn được nuôi dưỡng cháu H thì chị cũng đồng ý không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị và anh H có tài sản chung là diện tích đất chiều ngang 08m x chiều dài 50m, tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Đất chưa có GCNQSDĐ. Trị giá 300.000.000đ. Chị yêu cầu chia đôi tài sản chung này với anh H. Tuy nhiên, hiện nay chị xin rút phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung này với anh H, chị với anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

- Bị đơn anh Nguyễn Đình H trình bày: Anh và chị T tự nguyện chung sống từ năm 2001, có đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng. Cuộc sống vợ chồng anh và chị T chung cũng bình thường, hạnh phúc. Đến cuối năm 2017 thì giữa anh và chị T có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị có mâu thuẫn về tình cảm. Anh nghi ngờ chị T có quan hệ ngoại tình với người khác, chị T lạnh nhạt về tình cảm với anh, không quan tâm, lo lắng chăm sóc cho anh. Dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vả, xô xát, anh thừa nhận cũng có đôi lần đánh đập chị T, anh cũng có chửi bới chị T. Tuy nhiên, hiện nay anh không đồng ý ly hôn với chị T, tôi muốn đoàn tụ gia đình với chị T để chăm sóc con chung với chị T.

Về con chung: anh và chị T có 01 người con chung, họ tên là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 19/8/2011. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

- Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, HĐXX đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc phần tranh luận. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị T là chị T được ly hôn với anh H. Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 của luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Thị Thu H,

sinh ngày 19/8/2011 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: Ngày 27/4/2018, nguyên đơn chị Quách Thị T có văn bản rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu chia tài sản. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, bị đơn anh H không có yêu cầu phản tố. Do đó, đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn chị T. Về nợ: Không có.

- Về án phí: Đương sự phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: chị Quách Thị T và anh Nguyễn Đình H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước ngày 01 tháng 11 năm 2002. Giữa chị T và anh H có đăng ký kết hôn hợp pháp. Hiện nay, chị T và anh H đều đang cư trú tại xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa chị T và anh H là tranh chấp về hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điều 35, điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh H tự nguyện chung sống năm 2001 và đăng ký kết hôn vào ngày 01/11/2002 tại UBND xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Đến cuối năm 2017 thì vợ chồng tôi sảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng anh chị có mâu thuẫn về tình cảm, anh chị không tin tưởng nhau về tình cảm, phía anh H còn nghi ngờ chị T có quan hệ ngoại tình với người khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vả, đánh đập, chửi bới lẫn nhau từ đó làm mất tình cảm vợ chồng, không quan tâm, lo lắng chăm sóc, mạnh ai nấy sống. Phía bị đơn anh H thừa nhận giữa anh và chị T có xảy ra những mâu thuẫn nêu trên, tuy nhiên hiện nay anh không muốn ly hôn với chị T vì anh muốn đoàn tụ với chị T để cùng nhau chăm sóc con chung. Nguyên đơn chị T không đồng ý, chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là hiện nay chị không còn tình cảm với anh H, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh H. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có 01 người con chung, họ tên: Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 19/8/2011. Sau khi ly hôn chị T và anh H thống nhất giao cháu H cho anh H trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Xét thấy, sự

thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Xét thấy, ngày 27/4/2018 nguyên đơn chị Quách Thị T có văn bản rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị T là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên được chấp nhận. Bị đơn anh H không có yêu cầu phản tố. Do đó căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết yêu cầu về chia tài sản của nguyên đơn chị Quách Thị T. Đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[6] Về nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Tại phiên tòa quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Đương sự phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quách Thị T. Chị Quách Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Đình H.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 19/8/2011 cho anh Nguyễn Đình H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng: không yêu cầu nên không xem xét.

4.Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu về chia tài sản của nguyên đơn chị Quách Thị T. Đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

5.Về nợ: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

6. Về án phí: Chị Quách Thị T phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 4.050.000đ theo Biên lai số 0021877 ngày 30/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho chị Quách Thị T số tiền còn lại là 3.750.000đ.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Bình phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Hà